

Bản án số: 57/2023/DS-ST
Ngày: 12-9-2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Bút

2/ Bà Lê Thị Hoàng Thương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐST-DS ngày 22/8/2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông **Ngô Ngọc Ph**, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1968; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; (vắng mặt lần thứ hai).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông **Phan Minh Th**, sinh năm: 1966; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Ngọc Ph trình bày:

Do có mối quan hệ hàng xóm thân thiết với nhau, gia đình bà Nguyễn Thị H gặp khó khăn nên ngày 09/11/2012 bà H có đến nhà ông Ngô Ngọc Ph nhờ giúp đỡ. Vì thế, ông Ph có cho bà H mượn số tiền là 176.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng) tại giấy mượn tiền ghi ngày 09/11/2012 để trang trải khó khăn của gia đình. Bà H cam kết tại giấy mượn tiền sẽ trả trong tháng 11/2012. Sau đó, bà H có trả cho ông Ph hai lần với tổng số tiền là 9.000.000 đồng (lần thứ nhất là 4.000.000 đồng và lần thứ hai là 5.000.000 đồng). Vậy tổng số tiền bà H còn nợ ông Ph sau hai lần trả trên là 167.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu

đồng). Hiện nay, bản thân ông Ph gặp nhiều khó khăn nên đã nhiều lần gặp bà H để đòi lại số tiền nêu trên nhưng bà H vẫn không trả số tiền nợ còn lại. Vì vậy, ông Ph khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ số tiền còn lại là 167.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên toà. Tuy nhiên, tại bản tự khai, biên bản hoà giải, biên bản đối chất trong quá trình tố tụng bà H trình bày:*

Số tiền 167.000.000 đồng mà ông Ph khởi kiện bà H không biết. Số tiền nợ trên thực tế là do chồng bà H – ông Phan Minh Th mượn. Khi ông Th đi làm ăn xa không có mặt ở nhà, ông Ph có gọi bà qua để viết giấy mượn tiền với số tiền là 176.000.000 đồng và nội dung giấy mượn tiền do ông Ph đọc cho bà H viết. Bà H thừa nhận trước đây chồng bà – ông Th có vay tiền ông Ph, nhưng cụ thể là bao nhiêu thì bà H không rõ. Đối với số tiền 167.000.000 đồng tại giấy mượn tiền ghi ngày 09/11/2012, bà H cho rằng là cả tiền gốc và tiền lãi mà ông Th – chồng bà đã vay ông Ph. Việc ông Ph kiện bà H với số nợ nêu trên thì bà H không đồng ý, bà H cho rằng bà không vay nên việc ông Ph khởi kiện bà là không đúng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh Th vắng mặt tại phiên toà. Tuy nhiên, tại bản tự khai, biên bản hoà giải, biên bản đối chất trong quá trình tố tụng ông Th trình bày:*

Ông Th làm nghề thầu xây dựng do làm ăn thua lỗ, rơi vào khó khăn nên có đến và mượn tiền ông Ph để trả nợ với số tiền là 20.000.000 đồng. Đối với giấy mượn tiền ngày 09/11/2012 do ông Ph cung cấp là do ông Ph đã tính cả nợ gốc nợ lãi và yêu cầu bà H – vợ ông Th ghi giấy mượn tiền. Ông Th thừa nhận vào thời điểm năm 2008 – 2009 có vay của ông Ph nhiều lần cộng dồn khoảng 20.000.000 đồng, việc mượn có ghi tại vở học trò mà ông Ph đang giữ. Ông Ph kiện bà H, ông Th không đồng ý vì việc mượn tiền trên là do ông Th mượn không phải do bà H mượn.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS như không tham gia các phiên tòa.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 (khoản 4 Điều 27) của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Ngọc Ph về việc tranh chấp kiện đòi tài sản đối với bà Nguyễn Thị H và ông Phan Minh Th.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Phan Minh Th trả số tiền là 167.000.000 đồng cho ông Ngô Ngọc Ph.

Do ông Ph không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không giải quyết
Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Ngô Ngọc Ph khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp kiện đòi tài sản quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án.

[1.3] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị H hiện đang cư trú tại địa chỉ thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Ngọc Ph yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H trả số tiền mượn còn lại là 167.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Ngọc Ph thì thấy:

Ngày 09/11/2012, bà Nguyễn Thị H có viết giấy mượn tiền ông Ph với số tiền 176.000.000 đồng. Bà H cam kết tại giấy mượn tiền sẽ trả trong tháng 11/2012. Theo như ông Ph xác nhận, bà H có trả cho ông Ph hai lần với tổng số tiền là 9.000.000 đồng (lần thứ nhất là 4.000.000 đồng và lần thứ hai là 5.000.000 đồng). Số tiền bà H còn nợ ông Ph sau hai lần trả trên là 167.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, giấy mượn tiền ghi ngày 09/11/2012 bà H thừa nhận là do chính bà H viết ra, nội dung thoả thuận của giấy mượn tiền không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có đủ các điều kiện của giao dịch dân sự quy định tại điều 117, 118, 119 Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý ràng buộc giữa hai bên tham gia. Vì vậy, khi bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông Ph có quyền yêu cầu Toà án buộc bà H trả số tiền còn nợ 167.000.000 đồng là đúng pháp luật, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Do ông Ph không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh Th cho rằng bà H – vợ ông Th không mượn tiền ông Ph. Ông Th mới là người mượn tiền ông Ph với số tiền khoản 20.000.000 đồng. Số tiền 167.000.000 đồng tại giấy mượn tiền ghi ngày 09/11/2012 mà ông Ph cung cấp là cả tiền gốc và tiền lãi của số tiền 20.000.000 đồng mà ông Th đã mượn ông Ph. Nhưng ông Th không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời khai đã mượn ông Ph 20.000.000 đồng. Việc ông Th cho rằng giấy mượn tiền trên là do ông Ph yêu cầu bà H viết. Hội đồng xét xử nhận thấy tại thời điểm đó bà H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ và làm chủ được hành vi của mình khi viết giấy mượn tiền trên. Vì vậy, lời khai của bà H và ông Th là không có cơ sở để chấp nhận. Hơn nữa, xét thấy bà Nguyễn Thị H và ông Phan Minh Th có mối quan hệ vợ chồng, việc xác lập giao dịch giữa bà H và ông Ph trong thời kỳ hôn nhân nhằm phục vụ mục đích chung của gia đình bà H, ông Th. Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình 2014, ông Th phải liên đới cùng bà H trả số tiền 167.000.000 đồng cho ông Ph là đúng pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 (khoản 4 Điều 27) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông Ph là: 167.000.000 đồng x 5% = 8.350.000 đồng (Tám triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn ông Ngô Ngọc Ph không phải chịu án phí nên hoàn trả cho ông Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;
- Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 (khoản 4 Điều 27) của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Ngọc Ph về việc tranh chấp kiện đòi tài sản đối với bà Nguyễn Thị H và ông Phan Minh Th.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Phan Minh Th phải trả số tiền là 167.000.000 đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng) cho ông Ngô Ngọc Ph và ông Ph không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Minh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là: 8.350.000 đồng (Tám triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Ngô Ngọc Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.175.000 đồng (Bốn triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0009913 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOA**

Lê Đức Thọ

